

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

HUỲNH NGỌC THỜI

BIỆN PHÁP QUẢN LÝ GIÁO DỤC
NẾP SỐNG VĂN HÓA CHO SINH VIÊN TRƯỜNG CAO
ĐẲNG KINH TẾ - KẾ HOẠCH ĐÀ NẴNG

Chuyên ngành: Quản lý giáo dục
Mã số: 60.14.05

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ GIÁO DỤC HỌC

Đà Nẵng, Năm 2012

Công trình được hoàn thành tại
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: **TS. TRẦN XUÂN BÁCH**

Phản biện 1: **PGS.TS. NGUYỄN BẢO HOÀNG THANH**

Phản biện 2: **PGS.TS. PHAN MINH TIẾN**

Luận văn được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn
tốt nghiệp thạc sỹ Giáo dục học họp tại Đại học Đà Nẵng
vào ngày 16 tháng 12 năm 2012

Có thể tìm luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Trong những năm gần đây, tình hình biến động trên thế giới cùng với sự chuyển đổi nền kinh tế - xã hội trong nước đã ảnh hưởng sâu sắc đến lối sống, NSVH của giới trẻ, đặc biệt là SV. Nhiều SV sa vào lối sống thực dụng, cầu thả, tùy tiện, không lành mạnh làm ảnh hưởng xấu đến môi trường học tập, sinh hoạt và rèn luyện của SV. Vì thế, việc giáo dục lối sống, NSVH cho SV càng trở nên cấp thiết hơn.

Số lượng SV của Trường CĐ Kinh tế - Kế hoạch ĐN ngày càng tăng. Phần lớn các em đều đang ở độ tuổi trưởng thành, lần đầu tiên phải sống xa gia đình, còn nhiều bỡ ngỡ trước môi trường hoàn toàn mới lạ, với mức độ hiểu biết về sinh hoạt, giao tiếp, ăn ở, đi lại... còn nhiều hạn chế nhất định, khó có thể thích nghi với môi trường có nếp sống mang tính cộng đồng. Vì vậy, công tác quản lý giáo dục nếp sống văn hóa (ăn ở, học tập, sinh hoạt...) của SV là một việc hết sức quan trọng và cần thiết. Điều này đòi hỏi các bộ phận chức năng, các Phòng, các Khoa, các đoàn thể và lãnh đạo nhà trường phải xem xét lại thực trạng về công tác SV nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý giáo dục NSVH cho SV.

Vì vậy, chúng tôi chọn đề tài: **“Biện pháp quản lý giáo dục nếp sống văn hóa cho sinh viên Trường Cao đẳng Kinh tế - Kế hoạch Đà Nẵng”** làm luận văn thạc sỹ với mong muốn đóng góp một phần nhỏ cho việc cải tiến và nâng cao chất lượng quản lý NSVH cho SV trong nhà trường mà chúng tôi đang công tác.

2. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở nghiên cứu những vấn đề cơ bản của việc quản lý giáo dục NSVH cho SV, đánh giá thực trạng công tác quản lý giáo dục NSVH cho SV hiện nay ở Trường CĐ KT - KH ĐN và đề xuất một số biện pháp quản lý giáo dục NSVH cho SV nhằm mục đích tìm ra một số biện pháp nâng cao hiệu quả của công tác quản lý giáo dục NSVH

cho SV, qua đó góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo, phù hợp với yêu cầu của sự nghiệp CNH, HĐH đất nước trong giai đoạn hiện nay.

3. Khách thể và đối tượng nghiên cứu

3.1 Khách thể nghiên cứu

Quản lý hoạt động giáo dục NSVH cho SV ở Trường CĐ KT - KH ĐN

3.2 . Đối tượng nghiên cứu

Các biện pháp quản lý hoạt động giáo dục NSVH cho SV ở Trường CĐ KT - KH ĐN.

4. Giả thuyết khoa học

Xây dựng được các biện pháp quản lý giáo dục NSVH cho SV sẽ phát huy được các yếu tố tích cực, hạn chế những ảnh hưởng tiêu cực, tạo điều kiện để SV học tập và rèn luyện tốt hơn; hình thành NSVH ở SV ngay từ trong nhà trường, chuẩn bị hành trang cho SV trở thành người công dân mẫu mực trong xã hội. Đồng thời, kết quả nghiên cứu còn giúp cho các cấp quản lý có thêm cơ sở để đề ra những nội quy, quy chế quản lý, giáo dục SV phù hợp với thực tế của Trường CĐ KT - KH ĐN hiện nay.

5. Nhiệm vụ và phạm vi nghiên cứu

5.1 . Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục tiêu đã đề ra, đề tài phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

5.1.1. Nghiên cứu cơ sở lý luận của công tác quản lý giáo dục NSVH cho sinh viên

5.1.2. Đánh giá thực trạng công tác quản lý giáo dục NSVH cho SV ở Trường CĐ KT - KH ĐN

5.1.3. Đề xuất một số biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý giáo dục NSVH cho SV ở Trường CĐ KT - KH ĐN, qua đó góp phần nâng cao chất lượng đào tạo

5.2 Phạm vi nghiên cứu

Do những điều kiện khách quan và chủ quan còn nhiều hạn chế, chúng tôi giới hạn địa bàn nghiên cứu và đối tượng khảo sát là SV năm thứ 2, 3 của Trường CĐ KT - KH ĐN.

6. Phương pháp nghiên cứu

6.1. Phương pháp nghiên cứu lý luận

Tiến hành phân tích, tổng hợp, hệ thống hoá, khái quát hoá các nguồn tài liệu lý luận và thực tiễn có liên quan đến công tác quản lý giáo dục NSVH cho SV, đó là:

- Các tác phẩm kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin, các văn kiện của Đảng, Nhà nước, tư tưởng Hồ Chí Minh có liên quan đến đề tài.
- Các tác phẩm về khoa học Quản lý giáo dục, Tâm lý học, Giáo dục học, Xã hội học trong và ngoài nước.
- Các công trình nghiên cứu khoa học quản lý giáo dục của các nhà lý luận, các nhà quản lý giáo dục, các nhà giáo,... có liên quan đến đề tài, các luận văn, các báo cáo khoa học, các chuyên khảo, các bài báo.

Các tài liệu trên được phân tích, nhận xét, tóm tắt và trích dẫn phục vụ trực tiếp cho việc giải quyết các nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài.

6.2. Các phương pháp nghiên cứu thực tiễn

6.2.1. Phương pháp điều tra bằng ankét

6.2.2. Phương pháp nghiên cứu sản phẩm hoạt động

6.2.3. Phương pháp tổng kết kinh nghiệm

6.2.4. Phương pháp lấy ý kiến chuyên gia

6.2.5. Phương pháp trò chuyện

6.3. Nhóm các phương pháp thống kê toán học

7. Đóng góp của luận văn

- Khái quát được những cơ sở lý luận liên quan đến quá trình giáo dục NSVH cho SV trong giai đoạn hiện nay.

- Khảo sát, đánh giá thực trạng NSVH của SV và thực trạng quản lý giáo dục NSVH ở Trường CĐ KT - KH ĐN.

- Đề xuất được một hệ thống các biện pháp quản lý giáo dục NSVH cho SV ở Trường CĐ KT - KH ĐN.

8. Cấu trúc của luận văn

Luận văn bao gồm: Mở đầu, nội dung (gồm 3 chương), kết luận và khuyến nghị, tài liệu tham khảo và phụ lục.

Chương 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA VIỆC XÂY DỰNG CÁC BIỆN PHÁP QUẢN LÝ GIÁO DỤC NẾP SỐNG VĂN HOÁ CHO SINH VIÊN

1.1. Tổng quan các nghiên cứu về nếp sống văn hoá

Ở nước ta trong những năm 80 cũng đã có một số sách dịch từ nước ngoài (chủ yếu là của Nga, Bungari, Hungari) về lối sống; có một số bài nghiên cứu về lối sống, nếp sống được công bố trên các tạp chí triết học, xã hội học,... đã có một số công trình nghiên cứu về lối sống XHCN ở Việt Nam, lối sống của thanh niên trong những năm 80... Từ năm 1975 trở lại đây, thuật ngữ “Lối sống” “Nếp sống” được dùng trong văn kiện Đại hội Đảng CSVN lần thứ IV, lần thứ V và từ đó được dùng nhiều trong nhiều tài liệu chính thức.

Từ khi thực hiện sự nghiệp đổi mới do Đảng CSVN khởi xướng và lãnh đạo, nước ta đã có sự thay đổi sâu sắc về kinh tế xã hội, đồng thời kéo theo nó là những biến đổi về định hướng giá trị, lối sống... Trong bối cảnh đó cũng đã xuất hiện nhiều đề tài nghiên cứu về lối sống, nếp sống nói chung, NSVH của SV nói riêng.

Tuy nhiên các công trình nghiên cứu về biện pháp quản lý giáo dục NSVH cho SV đối với một cơ sở giáo dục còn ít ; chưa có tác giả nào nghiên cứu về biện pháp quản lý giáo dục NSVH cho SV ở Trường CĐ KT - KH ĐN.

1.2. Khái niệm liên quan đến nếp sống văn hóa

1.2.1. Nhân cách

Khi trở thành *một nhân cách* có nghĩa là người đó có ý thức, thái độ, động cơ, năng lực, cá tính,... trong việc tiếp nhận, đánh giá các tác động đến bản thân, đồng thời biết lựa chọn các phương pháp tác động đến các loại đối tượng khác nhau của môi trường tự nhiên và xã hội. Nghĩa là, *nhân cách là một chủ thể sáng tạo*, có ý thức hành vi, hoạt động, giao tiếp ứng xử.

1.2.2. Văn hoá

Văn hoá được hiểu là những niềm tin, giá trị, tập tục, lối sống hay tổng hợp trong những phương thức sinh hoạt được biểu hiện ở nhiều cấp. Người ta thường nói đến văn hoá dân tộc, văn hoá tộc người, văn hoá tổ chức hay văn hoá cộng đồng, đồng thời có những thành tựu văn hoá, văn minh, các giá trị được coi là tài sản của cả loài người. Hơn nữa, ở cấp độ cá nhân, văn hoá được thấm vào nhân cách, lối tư duy, cách thức hành động của từng thành viên cộng đồng. Văn hoá được thấm sâu vào từng con người, trở thành nét văn hoá nhân cách.

1.2.3. Lối sống

Có thể định nghĩa “*Lối sống là tổng hoà các hoạt động sống của con người trong điều kiện của một hình thái kinh tế - xã hội nhất định*” [35]. Lối sống là toàn bộ hoạt động sinh sống của con người trên các phương diện như giao tiếp, hành vi, nếp nghĩ; trong tất cả các lĩnh vực như lao động, sinh hoạt, các hoạt động chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá, thể thao, giới tính,...

1.2.4. Nếp sống

Có nhiều cách hiểu khác nhau nếp sống, nhưng có thể hiểu nếp sống là phần biểu hiện văn hoá cụ thể trong lối sống trên toàn bộ các lĩnh vực hoạt động của xã hội và cá nhân, nói cách khác là văn hoá ứng xử của con người đối với thế giới tự nhiên, xã hội và con người. Nếp sống có ý nghĩa hẹp hơn lối sống, nó bao gồm những cách thức hành

động, suy nghĩ, những quy ước được lặp đi lặp lại hàng ngày trở thành thói quen, tập quán trong sản xuất, sinh hoạt, trong phong tục, trong đạo đức.

1.2.5. Nếp sống văn hóa

NSVH là những biểu hiện của nếp sống trong quan hệ hành vi, ứng xử, hoạt động, giao tiếp với thiên nhiên, đồ vật, đối với người khác, với cộng đồng xã hội và bản thân được xem là phù hợp với những giá trị, chuẩn mực văn hoá của xã hội [15].

NSVH là nếp sống thể hiện trình độ văn hoá cao, ở đó con người sống bằng văn minh hiện đại và bản sắc văn hoá truyền thống dân tộc hoà quyện với nhau.

Đối với SV, NSVH là một trong những nội dung quan trọng của đạo đức, nhân cách; nó được biểu hiện trong các hoạt động học tập, sinh hoạt, lao động, trong giao tiếp ứng xử... NSVH của SV phản ánh những đặc điểm, đặc trưng của SV thông qua những hoạt động sống phù hợp với những giá trị chuẩn mực đạo đức, văn hoá của xã hội.

1.3. Giáo dục nếp sống văn hóa

Giáo dục NSVH là quá trình vừa phát huy những cái tốt đẹp trong nếp sống của dân tộc, loại trừ những cái lạc hậu, xây dựng và phát triển NSVH tốt đẹp trong đời sống cộng đồng; đồng thời tiếp thu có chọn lọc những thành tựu tiên bộ, hiện đại của loài người để xây dựng nên NSVH vừa hiện đại vừa mang đậm giá trị văn hoá dân tộc.

Giáo dục NSVH là quá trình động đến đối tượng để giáo dục và hình thành những thói quen, nề nếp trong cách nghĩ, cách làm, cách thể hiện, ... theo những giá trị, chuẩn mực văn hoá của xã hội, phù hợp với điều kiện, đối tượng cụ thể.

1.4. Quản lý giáo dục nếp sống văn hoá

1.4.1. Quản lý

Quản lý là những tác động của chủ thể quản lý trong việc huy động, phát huy, kết hợp, sử dụng, điều chỉnh, điều phối các nguồn lực

(nhân lực, vật lực, tài lực) trong và ngoài tổ chức (chủ yếu là nội lực) một cách tối ưu nhằm đạt mục đích của tổ chức với hiệu quả cao nhất [18, tr.15].

1.4.2. Quản lý giáo dục

Quản lý giáo dục được hiểu là hệ thống những tác động tự giác (có ý thức, có mục đích, có kế hoạch, có hệ thống, hợp quy luật) của chủ thể quản lý đến tập thể giáo viên, công nhân viên, học sinh, cha mẹ học sinh và các lực lượng xã hội trong và ngoài nhà trường nhằm thực hiện có chất lượng và hiệu quả mục tiêu giáo dục của nhà trường [17, tr.38].

1.4.3. Quản lý giáo dục nếp sống văn hoá

Từ định nghĩa về quản lý và quản lý giáo dục nêu trên, có thể định nghĩa: *Quản lý giáo dục NSVH là tác động của chủ thể quản lý đến đối tượng quản lý trong việc huy động, tổ chức, kết hợp, sử dụng, điều chỉnh, giám sát, ... một cách có hiệu quả các nguồn lực (nhân lực, vật lực, tài lực) nhằm hình thành và phát triển toàn diện nhân cách của đối tượng quản lý theo mục tiêu của tổ chức đặt ra.*

1.5. Vai trò của công tác quản lý giáo dục nếp sống văn hoá cho sinh viên

1.5.1. Đặc điểm của sinh viên

SV là giai đoạn phát triển lứa tuổi có vị trí, ý nghĩa đặc biệt, có tính chuyển tiếp từ người học nghề thành người lao động nghề có trình độ chuyên môn cao. Mỗi SV là một cá nhân, một nhân cách vừa có những nét riêng, vừa mang những đặc điểm chung của lứa tuổi SV về mặt tâm - sinh lý, xã hội và nhân cách. SV là lứa tuổi phát triển tương đối hoàn thiện về thể chất.

Tự ý thức phát triển mạnh nhưng chưa vững chắc; có khả năng tự giáo dục, tự hoàn thiện nhân cách. Tuy nhiên còn hay cực đoan trong việc tự đánh giá về mình, tự khẳng định mình, bảo vệ cái sai của mình, còn chủ quan trong nhận thức, dễ có thái độ phủ định hoặc ngộ nhận...

Vì vậy cần giúp cho SV tự ý thức, tự điều chỉnh trong việc tiếp nhận các giá trị văn hoá có chọn lọc, có phê phán...

Trong quá trình hình thành và phát triển nhân cách thì giáo dục, hoạt động, giao tiếp và tập thể có vai trò quyết định, tạo thành những con đường cơ bản nhất. Chính vì vậy, chúng phải được tổ chức, xây dựng theo một hướng thống nhất nhằm mục đích hình thành và phát triển nhân cách một cách hài hoà và sáng tạo. Và NSVH có vai trò quan trọng trong việc tạo những nề nếp, thói quen, hành vi tích cực.

Mục tiêu của quản lý giáo dục NSVH cho SV là làm cho quá trình giáo dục NSVH cho SV được tiến hành thống nhất, đồng bộ và đạt hiệu quả cao nhất nhằm nâng cao chất lượng giáo dục NSVH cho SV.

1.5.2. Ý nghĩa của việc quản lý giáo dục nếp sống văn hoá cho sinh viên

Để giúp cho việc giáo dục NSVH cho sinh viên đạt hiệu quả tốt hơn, công tác quản lý giáo dục NSVH cho sinh viên sẽ định hướng và tổ chức các hoạt động nhằm giáo dục và rèn luyện NSVH cho sinh viên; sử dụng có hiệu quả cơ sở vật chất phục vụ cho quá trình giáo dục; huy động và phối hợp với các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường để tham gia, hỗ trợ quá trình giáo dục NSVH; điều chỉnh và giám sát quá trình giáo dục để đảm bảo cho quá trình này phát triển theo đúng hướng và mục đích đã đặt ra.

Mục tiêu của quản lý giáo dục NSVH cho sinh viên là làm cho quá trình giáo dục NSVH cho sinh viên được tiến hành thống nhất, đồng bộ và đạt hiệu quả cao nhất nhằm nâng cao chất lượng giáo dục NSVH cho sinh viên.

1.5.3. Vai trò của nếp sống văn hoá trong việc phát triển nhân cách của sinh viên và thực hiện mục tiêu đào tạo

NSVH có vai trò quan trọng trong việc phát triển nhân cách của SV và thực hiện mục tiêu đào tạo. Đây chính là bước thực hiện hoá, cụ thể hoá mục tiêu phát triển nhân cách, đảm bảo cho quá trình này phát

triển đúng hướng, đúng mục đích đã đặt ra. SV có phong cách sống, học tập và giao tiếp ứng xử đặc biệt. Đó cũng là phong cách, đồng thời cũng là một nét đẹp của SV trong giai đoạn hiện nay.

NSVH của SV chính là nếp sống đặc trưng của SV (biểu hiện trong cuộc sống thường ngày của SV thông qua thái độ, hành vi trong hoạt động và giao tiếp ứng xử) theo những giá trị, chuẩn mực văn hoá của một bộ phận trí thức nói riêng và của dân tộc và thời đại nói chung.

1.6. Tiểu kết chương 1

Công tác giáo dục NSVH là nhiệm vụ cũng là trách nhiệm của toàn xã hội trong việc xây dựng và phát triển toàn diện con người. Đối với nhà trường, để đào tạo một đội ngũ nhân lực toàn diện cả về chuyên môn và nhân cách thì bên cạnh việc cung cấp cho SV những kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ cần phải đặc biệt chú trọng đến việc giáo dục và rèn luyện NSVH. Mục tiêu của công tác giáo dục NSVH cho SV Trường CĐ KT - KH ĐN là thông qua việc thực hiện NSVH sẽ hình thành ở SV những phẩm chất đạo đức, lối sống mới, hướng tới sự phát triển toàn diện con người trong thời kỳ đổi mới.

Chương 2

THỰC TRẠNG QUẢN LÝ GIÁO DỤC NÉP SỐNG VĂN HOÁ CHO SINH VIÊN

TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ - KẾ HOẠCH ĐÀ NẴNG

2.1. Khái quát về quá trình khảo sát

2.2. Thực trạng về nếp sống của sinh viên và giáo dục nếp sống văn hoá cho sinh viên ở Trường Cao đẳng Kinh tế - Kế hoạch Đà Nẵng

2.2.1. Thực trạng về nếp sống của sinh viên

2.2.1.1 Nhận thức của sinh viên về tính cần thiết của các phẩm chất trong nhân cách của người trí thức trong giai đoạn hiện nay

2.2.1.2. Thực trạng hành vi biểu hiện nếp sống văn hoá của sinh viên ở Trường Cao đẳng Kinh tế - Kế hoạch Đà Nẵng

2.2.1.3. Nguyên nhân

2.2.2. Thực trạng về giáo dục nếp sống văn hoá cho sinh viên Trường Cao đẳng Kinh tế - Kế hoạch Đà Nẵng

2.2.2.1. Nội dung giáo dục nếp sống văn hoá cho sinh viên

2.2.2.2. Hình thức giáo dục nếp sống văn hoá cho sinh viên

2.2.2.3. Nguyên nhân ảnh hưởng chưa tốt đến giáo dục NSVH cho sinh viên Trường Cao đẳng Kinh tế - Kế hoạch Đà Nẵng

2.3. Thực trạng công tác quản lý giáo dục nếp sống văn hoá cho sinh viên Trường Cao đẳng Kinh tế - Kế hoạch Đà Nẵng

2.3.1. Kế hoạch quản lý giáo dục NSVH cho sinh viên Trường Cao đẳng Kinh tế - Kế hoạch Đà Nẵng

Sau khi nghiên cứu báo cáo của Phòng CTCT & QL HSSV và Phòng Đào tạo & NCKH, chúng tôi nhận thấy rằng đã có kế hoạch quản lý giáo dục NSVH cho SV của Trường nhưng chưa thực hiện được thường xuyên, chưa xác định được hệ thống mức độ mục tiêu, nội dung giáo dục phù hợp với đối tượng, kế hoạch quản lý SV được xây dựng từ đầu năm học. Các hoạt động vẫn chủ yếu theo phong trào từng đợt, lúc dồn dập lúc lại vắng lặng và còn mang tính đồng loạt, giàn trải từ năm đầu đến năm cuối năm mà chưa có sự phân hoá rõ rệt. Ngoài ra, các nhà quản lý có thói quen chỉ vạch ra kế hoạch của một năm học mà không quan tâm đến kế hoạch các năm kế tiếp, nhất là kế hoạch dài hạn cho cả một khoá học.

2.3.2. Thành lập hệ thống bộ máy từ cấp trường

Nghiên cứu quy chế hoạt động của Trường CĐ KT - KH ĐN kết hợp trao đổi với các cán bộ quản lý, chúng tôi nhận thấy rằng công tác quản lý giáo dục NSVH cho SV của Trường do Phòng CTCT & QL HSSV phối hợp cùng với Đoàn trường, Hội Sinh viên của trường phụ trách. Đội ngũ cán bộ phụ trách công tác này phần lớn là kiêm nhiệm và chưa được trang bị những kiến thức ở mức cần thiết về tâm lý học, giáo dục học, xã hội học, về quản lý giáo dục nên công tác quản lý còn thiếu

cơ sở khoa học, thiếu linh hoạt, sáng tạo. Công tác này chủ yếu được quản lý theo kinh nghiệm nên hiệu quả công việc còn hạn chế.

2.3.3. Quan tâm chỉ đạo hoạt động giáo dục nếp sống văn hoá cho sinh viên Trường Cao đẳng Kinh tế - Kế hoạch Đà Nẵng

Đối với Trường CĐ KT - KH ĐN, việc triển khai công tác quản lý giáo dục NSVH cho SV được giao cho Phòng Công tác Chính trị & QL HSSV phối hợp với Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên, Trung tâm quản lý ký túc xá tổ chức triển khai kế hoạch nhưng còn chưa toàn diện và chưa thường xuyên. Theo báo cáo của Phòng CTCT & QL HSSV, công tác chỉ đạo đôi lúc còn lúng túng, thiếu sâu sát. Các giải pháp thực hiện còn mang tính đối phó, ngăn chặn là chính, chưa xử lý kiên quyết. Công tác kế hoạch hoá vẫn chưa bao trùm đầy đủ các nội dung hoạt động và đặc biệt là nó không được thực hiện thường xuyên, mục tiêu và nội dung hoạt động không được xác định cụ thể.

2.3.4. Công tác kiểm tra, đánh giá giáo dục nếp sống văn hoá

Công tác kiểm tra, thanh tra chưa được thực hiện thường xuyên và có hiệu quả. Điều này hoàn toàn phù hợp với báo cáo của Phòng CTCT & QL HSSV khi cho rằng công tác kiểm tra, kiểm soát nhiều lúc tỏ ra lúng túng, thiếu sâu sát, thiếu chính xác và đôi khi còn mang tính phong trào, cảm tính.

2.4. Nguyên nhân cơ bản ảnh hưởng đến hiệu quả công tác quản lý giáo dục nếp sống văn hoá cho sinh viên ở Trường Cao đẳng Kinh tế - Kế hoạch Đà Nẵng

Trong quá trình phát triển kinh tế và hội nhập kinh tế quốc tế đã nảy sinh những mặt trái, những yếu tố tiêu cực ảnh hưởng đến phẩm chất của SV nói chung và của SV của Trường nói riêng. Những hiện tượng tham nhũng, quan liêu, tệ nạn xã hội; những yếu kém, tiêu cực trong xã hội cũng như giáo dục đã ảnh hưởng không nhỏ đến quan trọng tu dưỡng, rèn luyện, học tập của SV. Cơ sở vật chất, điều kiện học tập, sinh hoạt, rèn luyện kỹ năng thực hành chưa đáp ứng được nhu

cầu học tập và rèn luyện của SV. Số đông SV không có chỗ ở trong Ký túc xá, phải thuê nơi ở trong khu dân cư không đảm bảo về các điều kiện học tập, rèn luyện, thường xuyên bị tác động bởi các tệ nạn xã hội, nhất là tệ nạn ma túy. Công tác quản lý SV ngoại trú còn nhiều bất cập và hạn chế. Việc kết hợp giữa các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường trong quá trình giáo dục NSVH cho SV chưa được đồng bộ và chặt chẽ.

2.5. Tiểu kết chương 2

Vấn đề “dạy chữ” phải được tiến hành đồng thời với việc “dạy người”. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đạt được cũng bộc lộ những nhược điểm, thiếu sót.

Để khắc phục những nhược điểm, yếu kém của công tác quản lý giáo dục NSVH cho SV ở Trường trong giai đoạn hiện nay, có hai việc cần phải làm:

Thứ nhất, phải tạo sự chuyển biến thật sự về nhận thức trong đội ngũ những người làm công tác giáo dục NSVH và quản lý giáo dục NSVH.

Thứ hai, cần đổi mới công tác quản lý giáo dục NSVH cho SV ở Trường CĐ KT - KH ĐN như xác định rõ mục tiêu, nội dung, phương pháp tổ chức chỉ đạo, tạo điều kiện cơ sở vật chất cho SV rèn luyện NSVH.

Chương 3

CÁC BIỆN PHÁP QUẢN LÝ

GIÁO DỤC NẾP SỐNG VĂN HOÁ CHO SINH VIÊN

TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ - KẾ HOẠCH ĐÀ NẴNG

3.1. Nguyên tắc xây dựng các biện pháp quản lý giáo dục nếp sống văn hoá cho sinh viên

3.1.1. Phải góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường

3.1.2. Phải góp phần định hướng nhu cầu giáo dục của cán bộ và giáo viên, nhu cầu rèn luyện của sinh viên

3.1.3. Phải phát huy vai trò chủ động, tích cực của cán bộ, giảng viên và sinh viên

3.1.4. Phải tác động vào tất cả chức năng, các yếu tố của quá trình quản lý

3.1.5. Phải thiết thực, phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường, điều kiện học tập và rèn luyện của sinh viên

3.2. Các biện pháp quản lý giáo dục nếp sống văn hoá cho sinh viên ở Trường Cao đẳng Kinh tế - Kế hoạch Đà Nẵng

3.2.1. Xác định mục tiêu, chuẩn hoá các tiêu chí về NSVH cho phù hợp với sinh viên

3.2.1.1. Ý nghĩa

3.2.1.2. Nội dung

Trong học tập cần giáo dục cho SV:

Ý thức được nhiệm vụ và trách nhiệm học tập của bản thân; có thái độ tích cực, chủ động, sáng tạo, hăng say tập trung vào việc học tập; có ý chí vượt mọi khó khăn, có thói quen kiên trì và độc lập trong học tập, học tập suốt đời; không ngừng học tập, rèn luyện, nâng cao về chuyên môn, nghiệp vụ; trung thực trong thi cử; giúp đỡ nhau trong học tập.

Trong giao tiếp cần giáo dục cho SV:

Giao tiếp, ứng xử có văn hoá; tôn sư trọng đạo; quan hệ bạn bè trong sáng, lành mạnh; đúng mực trong tình yêu và tình bạn khác giới; quan tâm đến tập thể; khiêm tốn, tự trọng và tôn trọng nhân phẩm; tin vào con người và khuyến thiện; khoan dung và vị tha; công bằng trong đánh giá và ứng xử; thẳng thắn và trung thực; cẩn thận trong lời nói và việc làm

Trong sinh hoạt cần giáo dục cho SV:

Giá trị văn hoá truyền thống, ý thức giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hoá của nhân loại; có lý tưởng chính trị, ý thức độc lập dân tộc, phấn đấu cho dân giàu nước mạnh, xã

hội công bằng dân chủ văn minh; yêu nghề nghiệp; thực hiện có hiệu quả các bổn phận và nghĩa vụ; tham gia các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể thao; có ý thức và hành vi tự quản, tự rèn luyện; không ngừng hoàn thiện nhân cách; sống trong sạch, ngăn nắp, giản dị; sinh hoạt giải trí lành mạnh; chấp hành tốt các quy định, nội quy của nhà trường và ở nơi công cộng; có ý thức, thái độ và hành vi tôn trọng, chấp hành những quy định, thể chế của xã hội, tập thể trong đời sống chung.

3.2.1.3. Cách thực hiện

Dựa vào các nội quy, quy chế, quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của Trường để chuẩn hoá những tiêu chí về NSVH sao cho phù hợp với SV.

3.2.1.4. Điều kiện thực hiện

Phải được sự phối hợp và thống nhất cao giữa các biện pháp quản lý trong Trường trong việc chuẩn hoá các tiêu chí về NSVH cho SV. Các tiêu chí đưa ra phải rõ ràng, cụ thể, dễ đánh giá để tạo điều kiện cho việc đánh giá được khách quan, thuận lợi và chính xác.

3.2.2. Xây dựng kế hoạch quản lý giáo dục nếp sống văn hoá cho sinh viên

3.2.2.1. Ý nghĩa

3.2.2.2. Nội dung

Trong giáo dục NSVH cho SV, cần có định hướng và xây dựng kế hoạch cho toàn khoá và kế hoạch cụ thể cho từng năm học, nội dung kế hoạch phải phong phú, đa dạng và toàn diện. Bản kế hoạch phải đảm bảo tính khả thi và tính hiệu quả cao.

Công tác giáo dục NSVH cho SV cần phải được tiến hành thường xuyên, đều đặn thì mới hình thành và rèn luyện được ở SV có NSVH.

Trên cơ sở kế hoạch chung của Trường, phải có chương trình, kế hoạch cụ thể phù hợp với tính đặc thù của từng đơn vị thuộc Trường.

3.2.2.3. Cách thực hiện

Xây dựng kế hoạch hoạt động hằng năm, trong đó xác định mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể, nội dung, hình thức hoạt động và phân công. Phải có sự phối hợp giữa các bộ phận có liên quan. Các hoạt động cần phải được định hướng, có phân hoá.

Chương trình kế hoạch phải được cân đối và phân cấp hợp lý, tránh sự chồng chéo hoặc dồn ép. Cần xây dựng một kế hoạch hoạt động phù hợp, cần có kế hoạch sớm cho những hoạt động đòi hỏi cần đầu tư, hạn chế những hoạt động đột xuất, những hoạt động mang tính đối phó.

Chương trình hoạt động phải đưa vào nề nếp, có tính ổn định và thường xuyên, kế hoạch công tác phải xây dựng chặt chẽ, đồng bộ, từng năm học để hình thành nội dung cho phù hợp. Mặt khác, phải căn cứ vào tính đặc thù của Trường để xây dựng kế hoạch và phương hướng một cách hợp lý, sát hợp với đối tượng giáo dục là SV ở từng năm học.

3.2.2.4. Điều kiện thực hiện

Để làm tốt công tác này, cán bộ quản lý phải:

- Nhận thức đầy đủ về yêu cầu của cấp trên thông qua những Chỉ thị, Nghị quyết,... của Bộ, của chính quyền địa phương, của Đảng uỷ, của BGH về giáo dục nói chung và giáo dục NSVH nói riêng.
- Các đơn vị thuộc Trường, bộ phận quản lý phải nắm chắc tình hình của đơn vị mình, nắm được mặt mạnh, mặt yếu để từ đó đề ra kế hoạch hợp lý và phù hợp.

3.2.3. Xây dựng bộ máy quản lý thực hiện kế hoạch quản lý giáo dục nếp sống văn hoá cho sinh viên

3.2.3.1. Ý nghĩa

3.2.3.2. Nội dung

Căn cứ theo kế hoạch đã định, xây dựng cơ cấu bộ máy bao gồm các đơn vị, bộ phận, cá nhân với vai trò, nhiệm vụ và vị trí công tác cụ thể, rõ ràng và phù hợp với chức năng, năng lực của mỗi bộ phận, cá nhân nhằm thực hiện được mục tiêu kế hoạch một cách hiệu quả nhất.

3.2.3.3. Cách thực hiện

Lập danh sách các công việc cần phải làm để đạt được mục tiêu mà kế hoạch đã đề ra.

Phân chia công việc thành các nhiệm vụ đến từng các đơn vị, bộ phận, từng người đảm bảo sao cho đúng người, đúng việc, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho mọi người làm việc có hiệu quả nhất.

Xác định rõ trách nhiệm và quyền hạn của từng bộ phận, từng thành viên trong nhà trường qua đó có thể xác định được mức độ, phạm vi đóng góp của từng thành viên, đồng thời có thể tiến hành bồi dưỡng nghiệp vụ cho họ một cách chủ động, phù hợp và kịp thời.

Xác lập cơ chế phối hợp giữa các bộ phận.

Theo dõi, kiểm tra tiến độ công việc, hiệu quả công việc và tiến hành điều chỉnh nếu cần.

Trên cơ sở nội dung kế hoạch đã xây dựng, lập danh sách những công việc cần làm sau đó phân chia đến từng người, từng bộ phận có liên quan.

Sự phân công nhiệm vụ này phải đảm bảo tính khoa học, hợp lý và tạo sự liên kết giữa các bộ phận, cá nhân.

3.2.3.4. Điều kiện thực hiện

Nắm vững chuyên môn và năng lực của từng cá nhân trong tổ chức để bố trí công việc một cách hợp lý; nắm vững mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể của công tác giáo dục NSVH cho SV để từ đó bố trí đúng người, đúng việc.

Bộ máy quản lý và làm việc phải đồng bộ, đảm bảo sự phân công, phân nhiệm đúng và hợp lý, đảm bảo sự thống nhất và liên kết và phối hợp cao giữa các thành viên và giữa các bộ phận.

3.2.4. Chỉ đạo triển khai thực hiện kế hoạch giáo dục nếp sống văn hoá cho sinh viên

3.2.4.1. Ý nghĩa

3.2.4.2. Nội dung

Chỉ đạo triển khai kế hoạch, đôn đốc và quán xuyến việc thực hiện kế hoạch trong suốt quá trình quản lý, từ việc hoạch định kế hoạch, việc xây dựng tổ chức cho đến việc kiểm tra, đánh giá. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo, hội họp có hiệu quả trong hoạt động, tổ chức giáo dục NSVH cho SV. Qua đó cập nhập những thông tin về tình hình SV để từ đó có những định hướng, giải pháp phòng ngừa chứ không phải chạy theo giải quyết hậu quả như hiện nay.

3.2.4.3. Cách thực hiện

Thường xuyên nắm được thông tin, tiến độ xúc tiến công việc, những vướng mắc nảy sinh trong quá trình thực hiện kế hoạch; từ đó có những hướng giải quyết, điều chỉnh, xử lý kịp thời.

Để có thể chỉ đạo sát sao, kịp thời và đúng đắn, cần phải nắm rõ tình hình thực tế và thường xuyên cập nhập thông tin, xử lý thông tin để từ đó có thể đưa ra những quyết định đúng đắn, chính xác và kịp thời; phải nắm rõ tiến độ công việc, hiệu quả công việc của từng bộ phận và từng thành viên; phải xem xét và có kế hoạch sử dụng các phương tiện phục vụ một cách hiệu quả cho công tác quản lý giáo dục NSVH cho SV. Tổ chức tổng kết rút kinh nghiệm công tác quản lý giáo dục NSVH cho SV, phổ biến những sáng kiến quản lý, giáo dục nhằm nâng cao chất lượng công tác này.

3.2.4.4. Điều kiện thực hiện

Nắm vững mục tiêu của kế hoạch, phân tích tình hình thực tế, tiến độ thực hiện kế hoạch và nguồn lực hỗ trợ cho việc thực hiện kế hoạch để từ đó có sự chỉ đạo đúng đắn và kịp thời. Luôn theo dõi và kiểm tra để nắm vững tiến độ và mục tiêu đạt được trong từng thời điểm, từng giai đoạn và đưa ra những quyết định kịp thời, đúng đắn đối với những vấn đề nảy sinh trong quá trình thực hiện. Mỗi bộ phận, đơn vị phải nắm vững tình hình SV, kế hoạch, nhiệm vụ của bộ phận, đơn vị mình. Giám sát chặt chẽ các hoạt động, quan hệ của SV để kịp thời xử lý những vấn đề nảy sinh.

3.2.5. Huy động và phối hợp các lực lượng giáo dục trong và ngoài trường tham gia quản lý giáo dục nếp sống văn hoá cho sinh viên

3.2.5.1. Ý nghĩa

3.2.5.2. Nội dung

Công tác quản lý giáo dục NSVH cho SV là công việc không phải chỉ của lãnh đạo nhà trường hay của bất kỳ một bộ phận nào. Đây là công việc và trách nhiệm chung của toàn xã hội trong đó nhà trường đóng vai trò quan trọng. Phải quy định rõ chức năng, nhiệm vụ của các lực lượng giáo dục trong Trường. Ngoài ra, dựa trên những quy định, quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo với Bộ Công an về sự phối hợp giữa 2 ngành này trong việc quản lý SV, bộ phận phụ trách quản lý giáo dục NSVH cho SV của Trường phối hợp cùng bộ phận phụ trách công tác SV của Công an thành phố Đà Nẵng trong việc quản lý SV nội trú, ngoại trú

3.2.5.3. Cách thực hiện

Xây dựng chương trình phối hợp hoạt động giữa các bộ phận với nhau về công tác quản lý giáo dục NSVH cho SV. Đây chính là cơ sở cho việc huy động và phối hợp giữa các lực lượng giáo dục trong nhà trường tạo nên sự thống nhất, đồng thuận vì mục tiêu của giáo dục NSVH cho SV. Đẩy mạnh việc giáo dục ý thức chấp hành nội quy quy chế tập thể, khắc phục những biểu hiện sinh hoạt không lành mạnh, tự do, tùy tiện trong việc ăn, ở, sinh hoạt của SV.

Đoàn Thanh niên và Hội Sinh viên cần nắm vững những hoạt động và các mối quan hệ cơ bản mang tính phổ biến và những đặc thù SV để tổ chức các hoạt động tác động phù hợp, hiệu quả.

Thường xuyên thanh tra công tác giảng dạy, đánh giá, kiểm tra nhằm giúp cho công tác này phát huy được hiệu quả và qua đó gián tiếp hình thành ở SV NSVH trong học tập.

Xây dựng chương trình phối hợp một cách cụ thể và chặt chẽ hơn nữa giữa Trường với Công an Thành phố, công an quận, huyện để quản

lý và phối hợp nhằm đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, thực hiện phòng chống và đẩy lùi các tệ nạn xã hội trong nhà trường. Thường xuyên liên hệ mật thiết với các đơn vị chức năng để nắm bắt tình hình SV, nắm bắt các đối tượng đã từng có những biểu hiện vi phạm để ngăn ngừa giáo dục kịp thời.

3.2.5.4. Điều kiện thực hiện

Đề biện pháp này phát huy được hiệu quả, công tác xây dựng bộ máy quản lý phải được thực hiện hợp lý, đầy đủ và khoa học. Cần có sự thống nhất giữa Trường với Công an Thành phố, quận, huyện về công tác quản lý và phối hợp nhằm bảo đảm an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội.

3.2.6. Tạo cơ hội và điều kiện để phát huy tính tích cực rèn luyện nếp sống văn hoá của sinh viên

3.2.6.1. Ý nghĩa

3.2.6.2. Nội dung

Quản lý giáo dục NSVH cho SV là khâu quan trọng góp phần nâng cao hiệu quả quản lý giáo dục của nhà trường. SV là chủ thể của nhà trường, là đối tượng của quá trình giáo dục, là chủ thể của quá trình nhận thức. Cần phải giúp cho SV tìm thấy được vị trí của mình trong việc phấn đấu phát huy tính tích cực nhận thức và rèn luyện NSVH. Để phát huy tính tích cực rèn luyện NSVH của SV cần phải: *Đa dạng hoá các loại hình hoạt động; xây dựng môi trường giáo dục văn hoá, lành mạnh; coi trọng và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho hoạt động của Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên; nâng cao kỹ cương kiểm tra, đánh giá; tăng cường cơ sở vật chất phục vụ cho việc giáo dục và rèn luyện NSVH.*

3.2.6.3. Cách thực hiện

Đa dạng hoá các loại hình giáo dục NSVH cho SV khắc phục tính chất đơn điệu, lặp đi lặp lại một vài hình thức quen thuộc với SV.

Coi trọng và tạo mọi điều kiện cho Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên, các chi đoàn và các lớp SV tổ chức các hoạt động đa dạng, phong

phù với những hình thức phù hợp, hấp dẫn, qua đó thu hút sự tham gia tích cực của SV, tạo điều kiện cho SV tham gia vào phong trào dân chủ hoá nhà trường, hình thành kỹ năng tự quản và lối sống, nếp sống khoa học, mô phạm.

Nâng cao kỷ cương trong dạy và học nhất là nghiêm minh trong kiểm tra đánh giá chống lại một cách có hiệu quả những hiện tượng tiêu cực trong thi cử, kiểm tra, đánh giá hiện nay.

Tạo điều kiện, cơ sở vật chất thuận lợi cho hoạt động học tập, nghiên cứu thực hành của SV: giáo trình, tài liệu phù hợp, thư viện, phòng đọc, phương tiện thí nghiệm thực hành... đáp ứng nhu cầu của SV. Đồng thời tăng cường đối thoại, lắng nghe ý kiến của SV để cải tiến quản lý dạy và học có hiệu quả. Xây dựng các câu lạc bộ chuyên ngành, khu tập luyện thể thao, thư viện, khu vui chơi, ... phục vụ cho các hoạt động học tập, vui chơi giải trí lành mạnh và an toàn cho SV.

Có chiến lược và kế hoạch biện pháp cụ thể, đồng bộ phòng chống các tệ nạn xã hội đang ngày càng có nguy cơ lây lan trong SV.

Công khai các tiêu chuẩn, chế độ của SV, phát huy tính dân chủ của SV trong việc góp ý xây dựng các biện pháp quản lý, thực hiện nội quy, nề nếp trong trường với phương châm *sinh viên bàn, sinh viên làm, sinh viên kiểm tra*.

3.2.6.4. Điều kiện thực hiện

Nắm vững tình hình SV như khả năng học tập, hứng thú, sở thích hoạt động, năng khiếu, sở trường, các mối quan hệ trong tập thể SV để đề ra chương trình hoạt động phù hợp, thiết thực lôi cuốn được SV tích cực tham gia rèn luyện NSVH.

3.3. Khảo sát nhận thức về tính cần thiết và tính khả thi của các biện pháp

Những biện pháp quản lý giáo dục NSVH cho SV mà đề tài đưa ra được đa số các cá nhân, giảng viên tham gia trưng cầu ý kiến tán thành và cho rằng những biện pháp này cần thiết và có tính khả thi.

Việc thực hiện các biện pháp trên một cách hệ thống và đồng bộ sẽ tạo sự chuyển biến tích cực trong công tác quản lý và giáo dục NSVH cho SV, góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục của Trường.

3.4. Tiểu kết chương 3

Trên cơ sở lý luận và qua phân tích thực trạng quản lý giáo dục NSVH cho SV ở Trường, đề tài đã đề xuất bảy biện pháp đáp ứng được những yêu cầu về việc chỉ đạo xây dựng và thực hiện các biện pháp. Các biện pháp mà đề tài đã đưa ra đã giải quyết những tồn tại trong công tác quản lý giáo dục NSVH cho SV của Trường trong giai đoạn hiện nay. Cùng với việc đề xuất các biện pháp, đề tài còn đưa ra những yêu cầu đối với việc thực hiện các biện pháp này. Đồng thời, qua trung cầu ý kiến của một số cán bộ quản lý (có chọn lọc), đề tài đã chứng minh được tính cấp thiết và khả thi của các biện pháp đã đề xuất.

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

1. Kết luận

Trên cơ sở mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu đặt ra của đề tài, luận văn của chúng tôi đã giải quyết được những vấn đề sau đây:

- Dựa vào cơ sở lý luận của các nhà khoa học trên thế giới và ở trong nước, chúng tôi đã tiếp thu, kế thừa một số quan niệm về lối sống, NSVH. Luận văn đã bổ sung, làm rõ được quan niệm về giáo dục NSVH cho SV và quản lý giáo dục NSVH cho SV; đã nêu lên tầm quan trọng của việc quản lý và giáo dục NSVH cho SV. Ngoài ra, luận văn đã khái quát được các biện pháp giáo dục NSVH cho SV và những yếu tố ảnh hưởng đến việc giáo dục NSVH cho SV.

- Qua kết quả nghiên cứu về thực trạng NSVH của SV cũng như thực trạng quản lý và giáo dục NSVH của ở SV Trường cho thấy:

Về NSVH của SV: SV có nếp sống giản dị, ý thức được trách nhiệm của mình đối với việc học tập; tôn trọng, các giá trị truyền thống đạo đức, văn hoá của dân tộc; quan hệ bạn bè trong sáng, lành mạnh; trung thực và lịch sự trong giao tiếp. Tuy nhiên tinh thần tập thể ở SV chưa cao; ít tham gia các hoạt động chính trị - xã hội và sử dụng thời gian rỗi chưa hợp lý.

Về giáo dục NSVH cho SV: Nhà trường đã quan tâm giáo dục những nội dung cơ bản về ý thức và hành vi văn hoá cho SV; tạo điều kiện thuận lợi về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho việc rèn luyện NSVH của SV. Tuy nhiên, do chưa xác định được mục tiêu cụ thể cũng như chưa chuẩn hoá được những tiêu chí về NSVH, chậm đổi mới và đa dạng hoá nội dung, phương pháp và hình thức giáo dục nên hiệu quả của công tác này chưa cao.

Về quản lý giáo dục NSVH cho SV:

- Mục tiêu, nội dung, kế hoạch quản lý giáo dục NSVH cho SV chưa được xây dựng cụ thể cho từng khoá học, năm học và từng đối tượng cụ thể.

- Bộ máy tổ chức chưa đồng bộ, vừa thiếu và vừa yếu.
- Việc chỉ đạo thực hiện kế hoạch chưa chặt chẽ, kịp thời; chưa phát huy được hiệu quả sử dụng các phương tiện trong giáo dục NSVH cho SV.
- Việc huy động và phối hợp giữa các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường còn yếu.
- Thiếu những biện pháp phù hợp để phát huy được tính tích cực rèn luyện NSVH của SV.

Căn cứ vào các cơ sở lý luận và thực tiễn, luận văn đã nghiên cứu đề đề ra những biện pháp quản lý giáo dục NSVH cho SV Trường CĐ KT - KH ĐN. Những biện pháp đó là;

Một là, xây dựng mục tiêu, chuẩn hoá các tiêu chí về NSVH của SV.

Hai là, tổ chức giáo dục nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm cho đội ngũ cán bộ, giảng viên và SV về vai trò quan trọng của việc giáo dục NSVH và công tác quản lý giáo dục NSVH cho SV.

Ba là, xây dựng mục tiêu, nội dung, kế hoạch quản lý giáo dục NSVH cho SV.

Bốn là, xây dựng bộ máy quản lý thực hiện kế hoạch quản lý giáo dục NSVH cho SV.

Năm là, chỉ đạo thực hiện kế hoạch và sử dụng có hiệu quả các phương tiện giáo dục NSVH cho SV.

Sáu là, huy động và phối hợp các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường tham gia quản lý giáo dục NSVH cho SV.

Bảy là, phát huy tính tích cực rèn luyện NSVH của SV.

2. Khuyến nghị

Với Bộ Giáo dục và Đào tạo

Bộ Giáo dục và Đào tạo cần có chủ trương phối hợp với Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Trung ương Hội Sinh viên phát động một phong trào xây dựng lối sống văn hoá (với tính chất khoa học, dân

tộc, thời đại) trong các trường học chuyên nghiệp là mô hình tốt cho HSSV ở các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp.

Với Trường Cao đẳng Kinh tế - Kế hoạch Đà Nẵng

Cần quan tâm đầu tư hơn về mọi mặt cho công tác quản lý giáo dục NSVH cho

Với các khoa thuộc Trường

Cần gần gũi SV hơn để nắm bắt kịp thời tình hình tư tưởng của SV để có định hướng và biện pháp giáo dục thích hợp hoặc ngăn chặn kịp thời những biểu hiện, hành vi xấu ảnh hưởng đến tập thể SV, uy tín của trường.

Với Đoàn Thanh niên và Hội Sinh viên

Thường xuyên tổ chức cho SV tham gia các hoạt động chính trị, xã hội, hoạt động thực tiễn, tạo sân chơi đa dạng, phong phú và phù hợp với SV.

Với gia đình sinh viên

Cần quan tâm hơn đến con em mình bằng cách thường xuyên liên lạc với Trường để nắm tình hình học tập, quản lý của con em mình, kịp thời phối hợp với nhà trường trong việc giáo dục SV.

Với SV của Trường Cao đẳng Kinh tế - Kế hoạch Đà Nẵng

Nghiêm chỉnh chấp hành nội quy, quy định của Bộ, Trường; tích cực tham gia sinh hoạt tập thể, hoạt động Đoàn, Hội; cảnh giác và đấu tranh với những tệ nạn xã hội, tự giác rèn luyện, tu dưỡng thường xuyên và toàn diện.